

ĐỀ KIỂM TRA KHẤU NGỮ

MÔN TIẾNG TRUNG 11

题 1: Đọc nghĩa tiếng Trung của những từ sau

1. Tham quan

2. Áo phông

3. Tổ chức

4. Năm ngoái

5. Thức dậy

6. Bữa tối

题 2: Đọc lại những câu sau đây

1. 我每天早上六点半起床

2. 我们骑自行车去学校

zhè jiàn yī fu hěn hǎo kàn
3. 这件衣服很好看

wǒ de shēng rì shì yuè hào
4. 我的生日是9月28号

zhè tiáo kù zi jià gé shì
5. 这条裤子价格是98.5元

题 3: Đặt câu hỏi cho phần được gạch chân:

_____ ?

xiàn zài sān diǎn bàn
现在三点半。

_____ ?

jīn tiān shì yuè hào
今天是10月16号。

_____ ?

wǒ zuò gōng gòng qì chē qù shū diàn
我坐公共汽车去书店。

_____ ?

wǒ jīn nián suì
我今年16岁。

_____ ?

wǒ mā ma shǔ mǎ
我妈妈属马。